

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Lam - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Vân Nga

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định mở phiên họp số 58/2022/QĐ-TA ngày 21 tháng 6 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1987; Nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Thái Lan.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn có tại hồ sơ, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn ngày 19/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được khoảng hơn một tháng thì anh T đi xuất khẩu lao động tại Thái Lan, vợ chồng cũng bắt đầu nảy sinh những mâu thuẫn nhỏ, do chị B đang mang thai nhưng anh T ở nước ngoài không quan tâm, chăm sóc chị B được. Năm 2009, chị B cũng xuất khẩu sang Thái Lan, nhưng hai vợ chồng không ở gần nhau nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Sau đó, anh T về nước và xuất khẩu lao động sang Angola được ba năm thì về Việt Nam, còn chị B vẫn làm ăn ở Thái Lan cho đến nay. Tình cảm vợ chồng vì thế cứ phai nhạt dần, mâu thuẫn

càng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Tài Bảo N, sinh ngày 09/10/2008. Hai bên thỏa thuận thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện nay, do chị B đang ở nước ngoài nên bà Trương Thị T là mẹ đẻ chị B sẽ chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn thay chị B.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, anh T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nộp tại hồ sơ.

Quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị B đã nộp cho Tòa án qua đường bưu điện các tài liệu sau: Đơn xin vắng mặt, bản tự khai, bản sao hộ chiếu. Các tài liệu của chị B giao nộp đều có xác nhận của Đại sứ quán của Việt Nam tại Thái Lan. Theo đó, chị B cũng thống nhất như trình bày của anh Nguyễn Văn T về các quan hệ về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung và thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, thống nhất thỏa thuận chị B sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tài Bảo N sinh ngày 09/10/2008 và thống nhất với sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ của anh T. Trong thời gian chị B đang ở nước ngoài bà Trương Thị T là mẹ đẻ chị B sẽ đảm nhận việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn thay chị B.

Tại buổi làm việc ngày 07/6/2022, bà Trương Thị T mẹ đẻ chị B đã có đơn xin tự nguyện nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tài Bảo N thay chị B trong thời gian chị B đang ở nước ngoài và cam đoan sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo cuộc sống học tập ổn định bình thường cho cháu Nguyễn. Cháu Nguyễn cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được sinh sống với mẹ và bà ngoại trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị B hiện cư trú tại Thái Lan, có xác nhận của Cục quản lý xuất nhập cảnh. Anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ việc. Chị Nguyễn Thị B đã ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Trương Thị T. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh T, chị B theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị B có đủ các điều kiện kết hôn; thực hiện việc đăng ký kết hôn hợp lệ vào ngày 19/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khẳng định hôn nhân của anh T và chị B là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị B chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì cả hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động, thường xuyên sống xa nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân rạn nứt trầm trọng. Vợ chồng thực tế đã ly thân khoảng 07 năm nay. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị B đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Các đương sự cũng đồng thuận đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 việc công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị B là phù hợp.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Tài Bảo N sinh ngày 09/10/2008. Xét thấy, các đương sự đều có nguyện vọng thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi. Bản thân cháu Nguyễn cũng có nguyện vọng được ở với chị Nguyễn Thị B và bà ngoại Trương Thị T. Vì vậy, cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của các bên. Và trong thời gian chị B đang ở nước

ngoài, bà Trương Thị T sẽ đảm nhận việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn thay chị B.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều b, khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 149; Các Điều 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 116, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 36, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị B

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Nguyễn Tài Bảo N sinh ngày 09/10/2008 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Nguyễn Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi có quyết định ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Nguyễn Văn T (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000179 ngày 06/5/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh). Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp 300.000đ tiền lệ phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Văn Lam